

Số: 219/CV-VTS/2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 10/2025**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 10/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	BSC			BSC
3	BVS			BVS
4	CAP			CAP
5	CPC			CPC
6	CTB			CTB
7	D11			D11
8	DAD			DAD
9	DAE			DAE
10	DHP			DHP
11	DHT			DHT
12	DNC			DNC
13	DNP			DNP
14	DTD			DTD
15	DXP			DXP
16	GMX			GMX
17	HAD			HAD
18	HCC			HCC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	HJS			HJS
20	HLC			HLC
21	HTC			HTC
22	HUT			HUT
23	IDV			IDV
24	INC			INC
25	INN			INN
26	KST			KST
27	LHC			LHC
28	LIG			LIG
29	MBS			MBS
30	MCC			MCC
31	MCF			MCF
32	MDC			MDC
33	NAG			NAG
34	NET			NET
35	NFC			NFC
36	NTP			NTP
37	PBP			PBP
38	PCE			PCE
39	PMC			PMC
40	PMS			PMS
41	PPP			PPP
42	PSC			PSC
43	PSD			PSD
44	PSE			PSE
45	PSW			PSW
46	PTS			PTS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
47	PVC			PVC
48	PVI			PVI
49	PVS			PVS
50	RCL			RCL
51	S55			S55
52	S99			S99
53	SAF			SAF
54	SD5			SD5
55	SD9			SD9
56	SDC			SDC
57	SDN			SDN
58	SGC			SGC
59	SHN			SHN
60	SJ1			SJ1
61	SLS			SLS
62	SMN			SMN
63	STC			STC
64	TA9			TA9
65	THD			THD
66	THS			THS
67	TNG			TNG
68	TTC			TTC
69	TV4			TV4
70	TVD			TVD
71	VBC			VBC
72	VC3			VC3
73	VC6			VC6
74	VC7			VC7

84
ÔNG
PH
ÔNG
VIỆT
Y I TP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	VCC			VCC
76	VCS			VCS
77	VGS			VGS
78	VNC			VNC
79	VNR			VNR
80	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA		EVF	AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	AGG			AGG
6	ANV			ANV
7	ASM			ASM
8	BAF			BAF
9	BBC			BBC
10	BFC			BFC
11	BIC			BIC
12	BID			BID
13	BMC			BMC
14	BMI			BMI
15	BMP			BMP
16	BRC			BRC
17	BSI			BSI
18	BSR			BSR
19	BTP			BTP
20	BTT			BTT
21	BVH			BVH
22	BWE			BWE
23	CCI			CCI
24	CCL			CCL
25	CDC			CDC
26	CII			CII
27	CLC			CLC
28	CLW			CLW

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
29	CMG			CMG
30	CMV			CMV
31	CNG			CNG
32	COM			COM
33	CRC			CRC
34	CSM			CSM
35	CSV			CSV
36	CTD			CTD
37	CTF			CTF
38	CTG			CTG
39	CTS			CTS
40	CVT			CVT
41	DBC			DBC
42	DBD			DBD
43	DBT			DBT
44	DCL			DCL
45	DCM			DCM
46	DGC			DGC
47	DGW			DGW
48	DHA			DHA
49	DHC			DHC
50	DHG			DHG
51	DIG			DIG
52	DPG			DPG
53	DPM			DPM
54	DPR			DPR
55	DRC			DRC
56	DSN			DSN
57	DTT			DTT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
58	DVP			DVP
59	DXG			DXG
60	EIB			EIB
61	ELC			ELC
62	FMC			EVF
63	FPT			FMC
64	FTS			FPT
65	GAS			FTS
66	GDT			GAS
67	GEG			GDT
68	GEX			GEG
69	GMD			GEX
70	GSP			GMD
71	GTA			GSP
72	GVR			GTA
73	HAH			GVR
74	HAX			HAH
75	HCM			HAX
76	HDB			HCM
77	HDC			HDB
78	HDG			HDC
79	HHS			HDG
80	HHV			HHS
81	HPG			HHV
82	HSG			HPG
83	HQC			HSG
84	HRC			HQC
85	HSL			HRC
86	HTI			HSL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
87	HTL			HTI
88	HTN			HTL
89	HTV			HTN
90	HUB			HTV
91	HVH			HUB
92	IDI			HVH
93	IJC			IDI
94	ILB			IJC
95	IMP			ILB
96	ITC			IMP
97	KBC			ITC
98	KDC			KBC
99	KDH			KDC
100	KSB			KDH
101	L10			KSB
102	LBM			L10
103	LCG			LBM
104	LGC			LCG
105	LIX			LGC
106	LSS			LIX
107	MBB			LSS
108	MSN			MBB
109	MWG			MSN
110	NAF			MWG
111	NBB			NAF
112	NCT			NBB
113	NHA			NCT
114	NHH			NHA
115	NLG			NHH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
116	NNC			NLG
117	NSC			NNC
118	NTL			NSC
119	OPC			NTL
120	PAC			OPC
121	PAN			PAC
122	PCI			PAN
123	PDN			PCI
124	PDR			PDN
125	PET			PDR
126	PGC			PET
127	PGD			PGC
128	PGI			PGD
129	PHR			PGI
130	PJT			PHR
131	PLX			PJT
132	PNJ			PLX
133	POW			PNJ
134	PVD			POW
135	PVT			PVD
136	REE			PVT
137	SAB			REE
138	SAM			SAB
139	SBA			SAM
140	SBT			SBA
141	SCR			SBT
142	SFG			SCR
143	SFI			SFG
144	SGN			SFI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
145	SHA			SGN
146	SHB			SHA
147	SHI			SHB
148	SHP			SHI
149	SJS			SHP
150	SMB			SJS
151	SRC			SMB
152	SSC			SRC
153	SSI			SSC
154	ST8			SSI
155	STB			ST8
156	SVC			STB
157	SVI			SVC
158	SVT			SVI
159	SZC			SVT
160	SZL			SZC
161	TBC			SZL
162	TCB			TBC
163	TCH			TCB
164	TCL			TCH
165	TCM			TCL
166	TCO			TCM
167	TCT			TCO
168	TDM			TCT
169	THG			TDM
170	TIP			THG
171	TIX			TIP
172	TLG			TIX
173	TMP			TLG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
174	TMS			TMP
175	TN1			TMS
176	TNC			TN1
177	TPB			TNC
178	TRA			TPB
179	TRC			TRA
180	TV2			TRC
181	TVS			TV2
182	TVT			TVS
183	UIC			TVT
184	VIB			UIC
185	VCB			VIB
186	VCF			VCB
187	VCG			VCF
188	VCI			VCG
189	VDP			VCI
190	VGC			VDP
191	VHC			VGC
192	VHM			VHC
193	VIX			VHM
194	VND			VIX
195	VNM			VND
196	VPB			VNM
197	VPD			VPB
198	VPG			VPD
199	VPI			VPG
200	VRC			VPI
201	VRE			VRC
202	VSC			VRE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
203	VSI			VSC
204	YBM			VSI
205	YEG			YBM
206				YEG

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty: <http://vts.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



LÊ HOÀNG QUÂN

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN